

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32/2001/QĐ-UB

Cần Thơ, ngày 12 tháng 4 năm 2001

QUYẾT ĐỊNH

V/V GIAO CHỈ TIÊU THU THỦY LỢI PHÍ HÀNG NĂM TỈNH CẦN THƠ THỰC HIỆN TỪ NĂM 2001 ĐẾN NĂM 2005

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 21/6/1994;

Căn cứ Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi ngày 31/8/1994;

Căn cứ Nghị định số 98/CP ngày 27/12/1995 của Chính phủ quy định việc thi hành Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp & PTNT tại Tờ trình số 88/TTr.SNN ngày 27/02/2001,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay giao chỉ tiêu thu thủy lợi phí hàng năm cho thành phố Cần Thơ, thị xã Vị Thanh, huyện và các Nông, Lâm trường quốc doanh thuộc tỉnh. Chỉ tiêu này được áp dụng thực hiện từ năm 2001 đến năm 2005 (kèm theo danh mục).

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp & PTNT chủ trì và phối hợp với Sở Tài chính – Vật giá, Cục Thuế soạn thảo văn bản hướng dẫn Liên ngành về việc thực hiện công tác thu thủy lợi phí.

Giao Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ, thị xã Vị Thanh và các huyện, Giám đốc các Nông, Lâm trường, Trạm Quản lý Nước và công trình thủy lợi các huyện, thị, thành phố tổ chức thực hiện việc thu thủy lợi phí theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp & PTNT, Giám đốc Sở Tài chính – Vật giá, Cục trưởng Cục Thuế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Cần Thơ, Chủ tịch UBND TP. Cần Thơ, thị xã Vị Thanh, UBND huyện, Giám đốc các Nông, Lâm trường quốc doanh, Chi cục trưởng Chi cục thủy lợi, Trưởng Trạm Quản lý Nước và công trình thủy lợi thành phố Cần Thơ, thị xã Vị Thanh, các huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

TM. UBND TỈNH CẦN THƠ
KT. CHỦ TỊCH
Võ Thanh Tông

CHỈ TIÊU THU THỦY LỢI PHÍ HÀNG NĂM TỈNH CẦN THƠ THỰC HIỆN TỪ NĂM 2001 – 2005
(kèm theo Quyết định số: 32 /2001/QĐ-UB ngày 12 tháng 4 năm 2001 của UBND tỉnh Cần Thơ)

Định mức BQ = 30 kg lúa/ha/năm

Giá lúa thu thuế sử dụng đất nông nghiệp theo giá lúa do UBND tỉnh quy định hàng năm

Số TT	Đơn vị	Tổng diện tích	trong đó			Số lúa (tấn)	Ghi chú
			Lúa (ha)	Mía (ha)	Vườn (ha)		

	Toàn tỉnh	194.600	165.600	9.000	19.700	5.829	
1	Huyện Thốt Nốt	41.000	40.000		1.000	1.230	
2	Huyện Ô Môn	36.000	32.000		4.000	1.080	
3	H. Châu Thành	13.000	8.000		5.000	390	
4	H. Châu Thành A	15.000	11.000		4.000	450	
5	H. Phụng Hiệp	26.000	20.000	4.700	1.300	780	
6	H. Vị Thủy	16.800	15.000	300	1.500	504	
7	H. Long Mỹ	22.100	20.000	1.500	600	663	
8	Thị xã Vị Thanh	6.800	4.000	2.300	500	204	
9	TP. Cần Thơ	6.300	4.000	(rẫy-200)	1.800	180	
10	NT Sông Hậu	5.600	5.600			168	
11	NT Cờ Đỏ	5.300	5.300			159	
12	LT Phương Ninh	300	300			9	
13	LT Mùa Xuân	400	400			12	